

## TCT CP Khoan & DV khoan Dầu khí-(HOSE:PVD) Thiết lập mặt bằng tăng trưởng mới

**KHUYẾN NGHỊ: MUA**

Giá mục tiêu: 34,600

**Upside: +27%**

### Ngành Dầu khí | BSC Research

#### QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD, đồng thời nâng giá mục tiêu 2025F lên **34,600 VND/cp** (so với 27,350 VND/cp trong báo cáo gần nhất), tương ứng **upside +27%** so với giá đóng cửa ngày 26/12/2025.

Giá mục tiêu được xác định theo phương pháp kết hợp EV/EBITDA và DCF với tỷ trọng 50%/50%.

#### DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

- Năm 2025: Dự báo DTT và LNST-CĐTTS đạt 9,869 tỷ VND (+6% YoY) và 978 tỷ VND (+58% YoY), tương ứng EPS = 1,643 VND/cp. Động lực dẫn dắt lợi nhuận chủ yếu đến từ mảng Kỹ thuật giếng khoan với doanh thu tăng +41% YoY.
- Năm 2026: Dự báo DTT và LNST-CĐTTS lần lượt đạt **11,781 tỷ VND (+19% YoY)** và **1,170 tỷ VND (+20% YoY)**, tương ứng **P/E fw 2026F = 13.9x**. Triển vọng này được củng cố bởi các giả định: **(i)** Giá thuê ngày cải thiện +6% YoY cùng đóng góp mới từ các giàn PVD VIII & IX và **(ii)** Mảng Kỹ thuật giếng khoan duy trì đà tăng trưởng +11% YoY từ nền cao của năm 2025.

#### CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

**Cập nhật Kết quả kinh doanh: KQKD Q3/2025:** DTT = 2,571 tỷ VND (+5% YoY, +6% QoQ), LNST-CĐTTS = 278 tỷ VND (+53% YoY, +16% QoQ). **KQKD Q3/2025 cao hơn so với dự phóng của BSC**, chủ yếu nhờ mảng dịch vụ kỹ thuật khoan & dịch vụ vượt dự phóng.

#### Cập nhật quan điểm đầu tư (Tham khảo báo cáo gần nhất)

- Mảng Kỹ thuật giếng khoan:** Nhu cầu dịch vụ từ dự án Lô B – Ô Môn (ước tính 40–50 giếng/năm) tạo nền tảng công việc ổn định. Chúng tôi dự báo doanh thu giai đoạn 2026–2027 tăng +85% so với mức nền giai đoạn 2022–2024;
- Mảng dịch vụ khoan** dự kiến ghi nhận đóng góp đầy đủ từ các giàn tự sở hữu mới (PVD VIII & IX). Kết hợp với giả định giá thuê và hiệu suất vận hành ổn định ở mức cao, doanh thu riêng mảng khoan Jack-up dự phóng tăng +41% trong năm 2026.

#### RỦI RO

- Giá dầu biến động mạnh ảnh hưởng tới giá thuê giàn và lợi nhuận của PVD;
- Rủi ro tỷ giá và khả năng thanh toán của khách hàng nước ngoài.

KQKD	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	5,804	9,288	9,869	11,781
Lợi nhuận gộp	1,305	1,754	2,189	2,758
NPATMI	585	698	978	1,170
EPS	810	1,000	1,643	1,965

#### Trung tâm phân tích BSC

Lưu Thuỳ Linh  
(Chuyên viên phân tích)  
Linhlt2@bsc.com.vn

#### Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	27,350
Cổ phiếu LH (Triệu):	556.3
Vốn hoá (Tỷ VND):	15,008
Thanh khoản 30n (Triệu):	8.6
Sở hữu nước ngoài:	8.5%

Mở tài khoản



## I. CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

### 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

Bảng: Tóm tắt KQKD Quý 3.2025

Triệu đồng	Q3.2025	%QoQ	%YoY	9T.2025	9T.2024	%YoY
<b>DT thuần</b>	<b>2,571</b>	<b>6%</b>	<b>5%</b>	<b>6,504</b>	<b>6,476</b>	<b>0%</b>
Giá vốn	(1,961)	3%	-1%	(5,105)	(5,099)	0%
<b>Lãi gộp</b>	<b>609</b>	<b>17%</b>	<b>36%</b>	<b>1,399</b>	<b>1,377</b>	<b>2%</b>
DT tài chính	40	-1%	-17%	126	114	10%
CP tài chính	(98)	6%	2%	(274)	(354)	-23%
Lãi vay	(46)	0%	-9%	(144)	(190)	-24%
Lãi từ CTLK	35	127%	27%	81	13	546%
CP BH	(10)	71%	14%	(21)	(14)	56%
CP QLDN	(198)	-2%	22%	(510)	(431)	18%
<b>Lãi từ HĐKD</b>	<b>378</b>	<b>37%</b>	<b>47%</b>	<b>800</b>	<b>706</b>	<b>13%</b>
TN khác, ròng	(12)	-127%	47%	83	(32)	-358%
LNTT	366	14%	47%	883	673	31%
Thuế	(89)	26%	28%	(214)	(213)	0%
<b>LNST</b>	<b>277</b>	<b>11%</b>	<b>54%</b>	<b>670</b>	<b>460</b>	<b>45%</b>
CĐTS	(1)	-111%	-45%	(1)	(17)	-96%
<b>LNST-CĐTS</b>	<b>278</b>	<b>16%</b>	<b>53%</b>	<b>671</b>	<b>478</b>	<b>40%</b>

#### Chỉ số

Biên LNG	23.7%	+2.4đpt	+5.3đpt	21.5%	21.3%	+0.2đpt
Biên LNR	11%	+1.0đpt	+3.4đpt	10.3%	7.4%	+2.9đpt
SG&A/DT	8%	-0.4đpt	+1.1đpt	8.2%	6.9%	+1.3đpt

Nguồn: PVD, BSC Research

**KQKD Q3/2025:** DTT = **2,571 tỷ VND** (+5% YoY, +6% QoQ), **LNST-CĐTS = 278 tỷ VND** (+53% YoY, +16% QoQ). Doanh thu thuần tăng nhẹ +5% YoY nhờ:

(i) Doanh thu mảng Kỹ thuật khoan giếng & dịch vụ khác tăng mạnh +67% YoY đến từ nhu cầu khoan trong nước sôi động (Đại Hùng, Bạch Hổ mở rộng) bù đắp (ii) Doanh thu Dịch vụ khoan giảm -7% YoY.

**Biên lợi nhuận gộp đạt** đạt 23.7% (+5.3 đpt YoY, +2.4 đpt QoQ), tiếp tục cải thiện. Trong đó:

- **Dịch vụ khoan:** Doanh thu và lợi nhuận gộp hồi phục so với quý 2 (+11% QoQ và +27% QoQ). Lợi nhuận gộp đạt 360 tỷ VND, tăng +18% so với cùng kỳ năm trước. Biên LNG đạt 24% (+5.1 đpt YoY);

- **Kỹ thuật khoan & dịch vụ khác:** Tăng trưởng mạnh với doanh thu đạt 954 tỷ (+67% YoY) và đóng góp 235 tỷ lợi nhuận gộp (+94% YoY). Biên LNG duy trì ở mức cao ~25% (+3.5 đpt YoY).

**Chi phí BH & QLDN** đạt 208 tỷ VND (+21% YoY, +1% QoQ) tương đương 8.0% doanh thu (+1.1 đpt YoY, -0.4 đpt QoQ), chủ yếu do chi phí nhân công tăng +32% YoY.

Chi phí tài chính ròng -57 tỷ VND (+22% YoY), dù chi phí lãi vay giảm (-9% YoY) nhưng lỗ tỷ giá tăng (+34% YoY).

Tổng kết lại, LNST-CĐTTS đạt **278 tỷ VND** (+53% YoY, +16% QoQ) tăng mạnh chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp tăng mạnh.

**Lũy kế 9T/2025:** DTT = **6,504 tỷ VND** (đi ngang YoY), LNST-CĐTTS = **671 tỷ VND** (+40% YoY).

### Đánh giá của BSC

**KQKD Q3/2025 vượt dự phóng của BSC**, chủ yếu nhờ mảng dịch vụ kỹ thuật khoan & dịch vụ vượt dự phóng.

## 2. Cập nhật quan điểm đầu tư (Tham khảo báo cáo gần nhất)

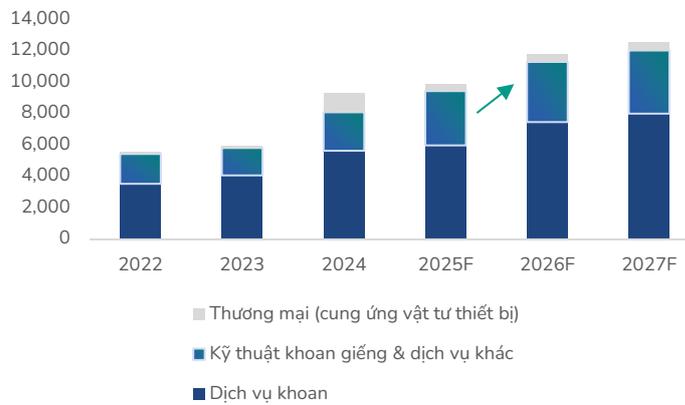
### (2.1) Mảng Kỹ thuật khoan: Động lực tăng trưởng cấu trúc từ Lô B – Ô Môn

Nhu cầu dịch vụ kỹ thuật giếng khoan dự kiến tăng đáng kể từ giai đoạn 2026–2045 khi Lô B – Ô Môn bước vào khoan phát triển. Theo kế hoạch phát triển mỏ (FDP), tổng số giếng cần khoan khoảng **~911 giếng**, tương đương **40–50 giếng/năm** trong suốt 20 năm, cao hơn **3–7 lần** so với mức trung bình **5–15 giếng/năm** giai đoạn 2022–2024. Quy mô này tạo ra mặt bằng nhu cầu mới đối với các dịch vụ kỹ thuật có hàm lượng công nghệ cao.

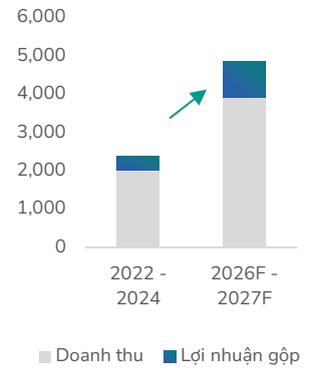
Với vị thế nhà cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chủ lực, chúng tôi kỳ vọng PVD hưởng lợi trực tiếp từ sự mở rộng khối lượng này. BSC dự phóng mảng Kỹ thuật khoan & dịch vụ khác đóng góp **3,700–3,800 tỷ VND doanh thu** (tương đương **30% – 35%** tổng doanh thu) và **850–900 tỷ VND lợi nhuận gộp** giai đoạn 2026F – 2027F. Các mức này lần lượt **tăng 85% doanh thu** và **146% lợi nhuận gộp** so với nền giai đoạn 2022 – 2024, phản ánh rõ tác động mang tính cấu trúc từ Lô B.

**Biên lợi nhuận gộp mảng này cũng ở mức thuận lợi hơn.** Chúng tôi kỳ vọng biên gộp duy trì quanh **24% – 25%** nhờ tỷ trọng cao của các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu tại Lô B, cao hơn so với mức **20% – 22%** của mảng Dịch vụ khoan. Việc gia tăng tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện biên lợi nhuận gộp hỗn hợp của PVD trong dài hạn.

Hình: Doanh thu các mảng kinh doanh của PVD 2022 – 2027F: Kỹ thuật khoan tăng tỷ trọng đóng góp (Tỷ VND)



Hình: Doanh thu và LNG mảng Kỹ thuật khoan (Tỷ VND)



Nguồn: PVD, BSC Research

## (2.2) Mảng dịch vụ khoan – tăng trưởng nhờ đóng góp của PV Drilling VIII và IX

Năm 2026 đánh dấu bước ngoặt về quy mô tài sản khi các giàn khoan tự sở hữu mới bắt đầu đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh:

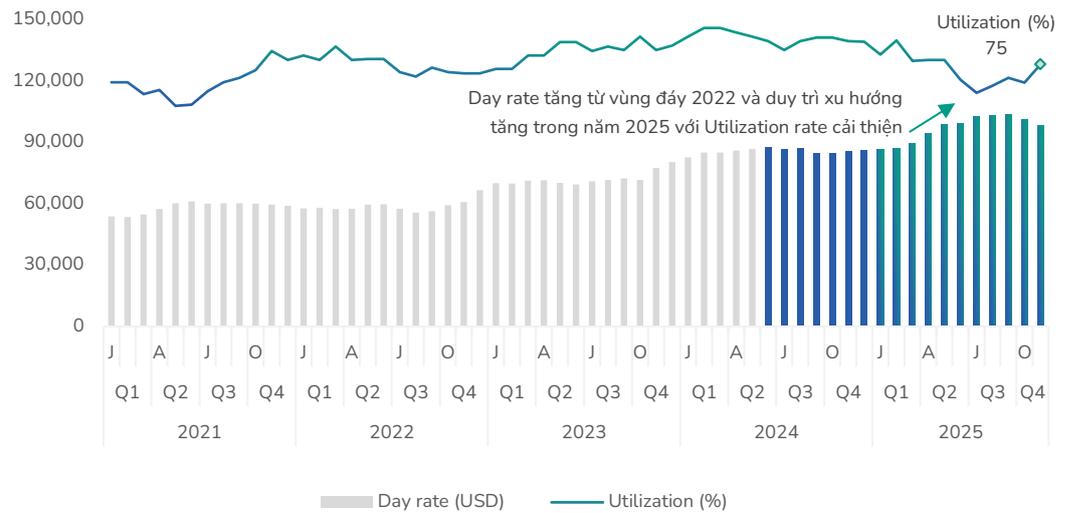
- **PV Drilling VIII:** Giàn này bắt đầu tạo doanh thu từ **Q3/2025** và sẽ vận hành đủ 12 tháng trong năm 2026. Lịch làm việc đã xác định với Vietsovpetro trong năm 2026, sau đó chuyển sang Malaysia từ giữa 2026 đến hết 2027. Mức sử dụng toàn bộ năm 2026 gần như chắc chắn.
- **PV Drilling IX (Highlander):** Dự kiến đưa vào vận hành từ **Q2/2026** với hợp đồng ký sẵn cho Vietsovpetro giai đoạn **2026–2028**. Đây là giàn có phân khúc cao (premium jack-up), phù hợp với nhu cầu trong nước với mức giá thuê tốt.

Chúng tôi ước tính hai giàn mới mang lại **~65 triệu USD doanh thu trong 2026**, so với chỉ **~11 triệu USD** đóng góp của riêng PVD VIII trong 2025. Phần tăng thêm chủ yếu đến từ: **(i)** số tháng vận hành nhiều hơn, và **(ii)** mức day-rate cao hơn đối với Highlander.

Kết hợp với giả định **day rate bình quân tăng khoảng +6% YoY**, doanh thu mảng dịch vụ khoan (jack-up) được kỳ vọng tăng **41% YoY**, đạt khoảng **207 triệu USD trong 2026**. Đây là mức tăng trưởng theo năm lớn nhất kể từ 2015, phản ánh trực tiếp tác động của việc mở rộng fleet tự sở hữu (PVD VIII full-year và PVD IX từ Q2/2026). Nếu tính cả TAD (PV Drilling V) và giàn thuê ngoài (hire rig), doanh thu **toàn bộ mảng Dịch vụ khoan** dự kiến đạt khoảng **276 triệu USD** trong 2026, tương ứng **+19% YoY**.

Về backlog, các giàn hiện hữu đều đã kín việc đến **hết 2027**, trong đó một số giàn đã có lịch làm việc đến **2028**. Sự đóng góp trọn vẹn của PVD VIII và PVD IX trong 2026, cùng với day-rate cải thiện và backlog kéo dài đến 2027–2028, củng cố triển vọng tăng trưởng mạnh và bền vững hơn cho mảng khoan thuê trong chu kỳ sắp tới.

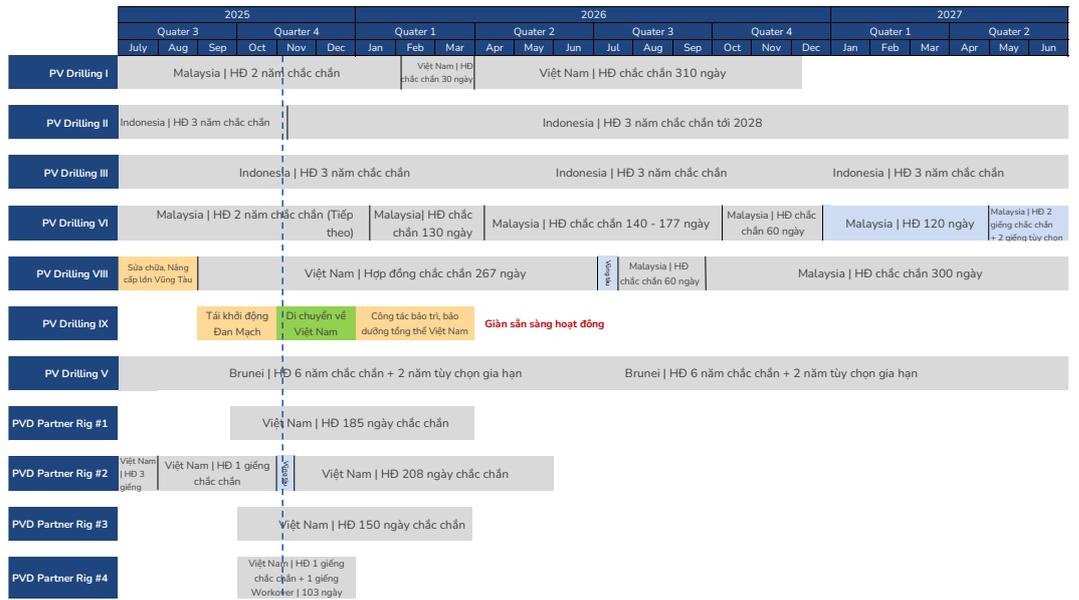
Hình: Jackup Day rate (USD) và Utilization rate (%) – IC 301 – 360'



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Toàn bộ các giàn khoan của PVD đều được phủ kín công việc đến hết 2027, nhiều giàn đã có lịch làm việc sang 2028; tỷ lệ giếng khoan chắc chắn chiếm phần lớn, thể hiện mức độ hiển thị hợp đồng cao và backlog duy trì ở vùng mạnh.

Hình: Kế hoạch hoạt động giàn khoan của PV Drilling



Nguồn: PVD, BSC Research

## II. DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo DTT và LNST-CĐTS năm 2025 ước đạt **9,869 tỷ VND** (+6% YoY) và **978 tỷ VND** (+58% YoY) tương ứng **EPS = 1,643 VND/cp**, P/E fw 2025F = 16.6x và EV/EBITDA 2025F = 8.1x.

Đối với năm 2026, chúng tôi dự báo DTT và LNST-CĐTS ước đạt **11,781 tỷ VND** (+19% YoY) và **1,170 tỷ VND** (+20% YoY) tương ứng **EPS = 1,965 VND/cp**, P/E fw 2026F = 13.9x và EV/EBITDA 2026F = 6.2x.

Dự báo của chúng tôi dựa trên các giả định chính như sau:

### (i) Mảng Dịch vụ khoan:

- **2025:** Giá thuê ngày trung bình ước đạt **95,800 USD** với hiệu suất sử dụng giàn 98%.
- **2026:** Giá thuê cải thiện lên **101,500 USD** (+6% YoY), hiệu suất duy trì mức cao 99%.

### (ii) Mảng Kỹ thuật giếng khoan & Khác:

- **2025:** Doanh thu dự kiến bứt phá mạnh đạt **3,452 tỷ VND** (+41% YoY).
- **2026:** Duy trì đà tăng trưởng từ mức nền cao 2025 doanh thu ước đạt **3,824 tỷ VND** (+11% YoY)

**Bảng: Tóm tắt ước tính kết quả kinh doanh 2025F – 2026F của PVD**

Đơn vị: Tỷ VND	2022	2023	2024F	2025F	2026F
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5,432</b>	<b>5,804</b>	<b>9,288</b>	<b>9,869</b>	<b>11,781</b>
Dịch vụ khoan	3,535	4,070	5,635	5,977	7,458
Thương mại	114	154	1,207	441	498
Kỹ thuật khoan giếng & #	1,896	1,742	2,447	3,452	3,824
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>577</b>	<b>1,305</b>	<b>1,754</b>	<b>2,189</b>	<b>2,758</b>
Chi phí BH & QLDN	(510)	(547)	(635)	(811)	(950)
<b>EBIT</b>	<b>67</b>	<b>759</b>	<b>1,119</b>	<b>1,379</b>	<b>1,808</b>
Chi phí tài chính ròng	(195)	(258)	(248)	(231)	(311)
Lãi/lỗ từ CT LDLK	45	66	49	97	122
<b>LN trước thuế</b>	<b>(143)</b>	<b>503</b>	<b>860</b>	<b>1,295</b>	<b>1,560</b>
Thuế TNDN	(16)	(112)	(239)	(317)	(390)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(52)	(39)	0	0	0
<b>LNST-CĐTS</b>	<b>(108)</b>	<b>430</b>	<b>620</b>	<b>978</b>	<b>1,170</b>
<b>EPS cơ bản (VND)</b>	<b>(250)</b>	<b>810</b>	<b>1,000</b>	<b>1,643</b>	<b>1,965</b>
Biên LNG	<b>11%</b>	<b>22%</b>	<b>19%</b>	<b>22%</b>	<b>23%</b>
Biên LN ròng	-2%	7%	7%	10%	10%
ROE	-1%	4%	4%	7%	8%
% DTT YoY	36%	7%	60%	6%	19%
% EBIT	-345%	1033%	47%	23%	31%
% EPS YoY	594%	-424%	23%	64%	20%

Nguồn: PVD, BSC Research

### III. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu **PVD**, đồng thời nâng giá mục tiêu 2025F lên **34,600 VND/cp** (so với 27,350 VND/cp trong báo cáo gần nhất), tương ứng **upside +27%** so với giá đóng cửa ngày 26/12/2025.

Giá mục tiêu được xác định theo phương pháp kết hợp EV/EBITDA và DCF với tỷ trọng 50%/50%.

EV/EBITDA		DCF	
EBITDA	2,863	WACC	12.8%
EV/EBITDA mục tiêu	7.5	Tổng giá trị DN	22,188
(+) Tiền & đầu tư NH	1,175	(+) Tiền & đầu tư NH	1,175
(-) Nợ	3,748	(-) Nợ	3,748
<b>Tổng giá trị VCSH</b>	<b>18,896</b>	<b>Tổng giá trị VCSH</b>	<b>19,597</b>
SLCP lưu hành	556	SLCP lưu hành	556
<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>34,000</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>35,200</b>

Phương pháp	Định giá (VND/CP)	Tỷ trọng
DCF	35,200	50%
EV/EBITDA	34,000	50%
<b>Giá mục tiêu (VND)</b>	<b>34,600</b>	
Giá hiện tại (VND)	27,350	
Upside (%)	27%	

Hình: Định giá EV/EBITDA



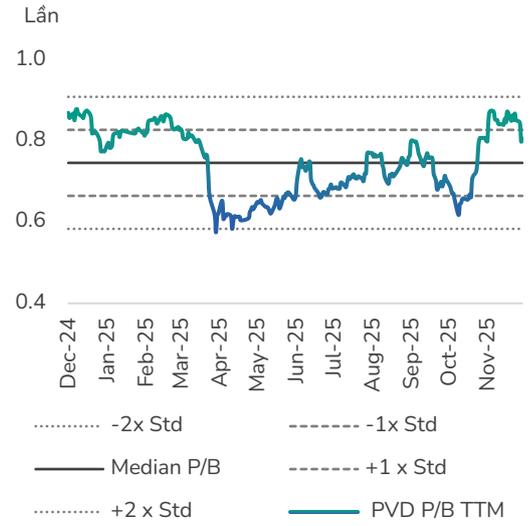
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình: Định giá P/E



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình: Định giá P/B



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## Phụ lục

KQKD (Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5,804</b>	<b>9,288</b>	<b>9,869</b>	<b>11,781</b>
Giá vốn hàng bán	(4,499)	(7,534)	(7,680)	(9,023)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1,305</b>	<b>1,754</b>	<b>2,189</b>	<b>2,758</b>
Chi phí bán hàng	(24)	(35)	(46)	(50)
Chi phí QLDN	(523)	(600)	(764)	(900)
<b>Lãi/lỗ HĐKD</b>	<b>567</b>	<b>919</b>	<b>1,379</b>	<b>1,808</b>
Doanh thu tài chính	134	152	159	117
Chi phí tài chính	(392)	(400)	(390)	(429)
Lợi nhuận từ LDLK	66	49	97	122
Lãi/lỗ khác	(64)	(60)	50	(58)
Lợi nhuận trước thuế	658	937	1,295	1,560
Thuế thu nhập DN	(74)	(239)	(317)	(390)
<b>LNST công ty mẹ</b>	<b>585</b>	<b>698</b>	<b>978</b>	<b>1,170</b>
CĐTS	(39)	0	0	0
EBITDA	1,616	2,002	2,283	2,863
EPS	810	1,000	1,643	1,965

CĐKT (Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
Tiền & TĐT	2,256	2,203	1,102	1,157
Đầu tư ngắn hạn	1,278	770	25	18
Phải thu ngắn hạn	2,314	3,469	3,454	3,652
Tồn kho	1,000	1,216	1,629	1,624
TS ngắn hạn khác	80	124	102	102
<b>TS ngắn hạn</b>	<b>6,928</b>	<b>7,782</b>	<b>6,312</b>	<b>6,553</b>
TS hữu hình	13,115	12,861	13,923	14,688
Khấu hao	857	884	904	1,054
TS dở dang dài hạn	9	1,222	-	-
ĐT dài hạn	-	-	-	-
TS dài hạn khác	810	748	779	779
<b>TS dài hạn</b>	<b>14,705</b>	<b>15,832</b>	<b>15,587</b>	<b>16,353</b>
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>21,633</b>	<b>23,615</b>	<b>21,999</b>	<b>23,052</b>
Nợ phải trả	569	1,173	3,072	3,609
Vay ngắn hạn	553	507	656	660
Nợ ngắn hạn khác	2,023	2,444	2,002	2,190
<b>Tổng Nợ ngắn hạn</b>	<b>3,146</b>	<b>4,124</b>	<b>5,730</b>	<b>6,459</b>
Vay dài hạn	2,788	2,541	3,701	3,088
Nợ dài hạn khác	801	897	896	896
<b>Tổng Nợ dài hạn</b>	<b>3,589</b>	<b>3,438</b>	<b>4,597</b>	<b>3,984</b>
<b>Tổng Nợ</b>	<b>6,735</b>	<b>7,562</b>	<b>10,326</b>	<b>10,443</b>
Vốn góp	7,997	7,997	5,563	5,563
LN chưa phân phối	694	1,022	1,448	1,872
Vốn chủ khác	3,784	4,012	4,438	4,952
Cổ đông thiểu số	237	250	244	244
<b>Tổng Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14,898</b>	<b>16,052</b>	<b>11,672</b>	<b>12,609</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>21,633</b>	<b>23,615</b>	<b>21,999</b>	<b>23,052</b>
SLCP lưu hành (Triệu)	556	556	556	556

LCTT (Tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F
<b>(Lỗ)/LNST</b>	<b>658</b>	<b>937</b>	<b>1,295</b>	<b>1,560</b>
Khấu hao và phân bổ	(857)	(884)	(904)	(1,054)
Thay đổi VLD	1,173	27	(4,235)	124
Điều chỉnh khác	(179)	(420)	(300)	(300)
<b>LCTT từ HĐKD</b>	<b>1,616</b>	<b>1,037</b>	<b>373</b>	<b>1,587</b>
Tiền chi mua TSCĐ	(678)	(1,102)	(1,955)	(2,119)
Đầu tư khác	(216)	344	22	22
<b>LCTT từ HĐ đầu tư</b>	<b>(894)</b>	<b>(758)</b>	<b>(1,933)</b>	<b>(2,097)</b>
Tiền chi trả cổ tức	(278)	(278)	(278)	(278)
Tiền thu khác	(312)	(160)	(236)	(236)
<b>LCTT từ HĐTC</b>	<b>(590)</b>	<b>(439)</b>	<b>(514)</b>	<b>(514)</b>
Dòng tiền đầu kỳ	2,079	2,256	3,355	1,102
<b>Dòng tiền cuối kỳ</b>	<b>3,800</b>	<b>3,355</b>	<b>1,102</b>	<b>1,157</b>

Chỉ số	2023	2024	2025F	2026F
<b>Khả năng thanh toán</b>				
H số TT ngắn hạn	2.2	1.9	1.7	1.5
H số TT nhanh	1.9	1.6	1.3	1.2
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/TTS	31%	32%	47%	45%
Hệ số Nợ/VCSH	21%	26%	71%	68%
<b>Năng lực hoạt động</b>				
Số ngày HTK	77.4	53.7	67.6	65.8
Số ngày phải thu	140.8	113.6	128.0	110.1
Số ngày phải trả	178.9	143.2	198.7	213.3
CCC	39.3	24.1	-3.1	-37.4
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>				
Lợi nhuận gộp	22%	19%	22%	23%
Lợi nhuận LNST	9%	8%	10%	10%
ROE	4%	4%	7%	8%
ROA	3%	3%	4%	5%
<b>Định Giá</b>				
PE	129.1	18.9	15.0	12.5
PB	0.4	0.7	1.2	1.1
<b>Tăng trưởng</b>				
Tăng trưởng DTT	7%	60%	6%	19%
Tăng trưởng EBIT	1032%	47%	123%	131%
Tăng trưởng LNST	-575%	42%	51%	20%
Tăng trưởng EPS	-424%	23%	64%	20%

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84439352722  
Fax: +84422200669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: +84838218885  
Fax: +84838218510



<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

**Bloomberg: RESP BSCV <GO>**

## Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NẮM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

## Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

### Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

[Longtt@bsc.com.vn](mailto:Longtt@bsc.com.vn)

### Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

[Khoabn@bsc.com.vn](mailto:Khoabn@bsc.com.vn)

### Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

[Buupq@bsc.com.vn](mailto:Buupq@bsc.com.vn)

### Nhóm Ngân hàng, Tài chính

#### Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

[Minhdq@bsc.com.vn](mailto:Minhdq@bsc.com.vn)

#### Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

[Tridm@bsc.com.vn](mailto:Tridm@bsc.com.vn)

### Nhóm Bất động sản, VLXD

#### Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

[Minhpq@bsc.com.vn](mailto:Minhpq@bsc.com.vn)

#### Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

[Vietl@bsc.com.vn](mailto:Vietl@bsc.com.vn)

#### Vũ Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

[Duyvch@bsc.com.vn](mailto:Duyvch@bsc.com.vn)

### Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

#### Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

[Tuntc@bsc.com.vn](mailto:Tuntc@bsc.com.vn)

#### Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

[Linhlt2@bsc.com.vn](mailto:Linhlt2@bsc.com.vn)

#### Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

[Truongnd@bsc.com.vn](mailto:Truongnd@bsc.com.vn)

### Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

#### Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

[Chauptm@bsc.com.vn](mailto:Chauptm@bsc.com.vn)

#### Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

[Tungtl@bsc.com.vn](mailto:Tungtl@bsc.com.vn)

#### Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

[Huytnt@bsc.com.vn](mailto:Huytnt@bsc.com.vn)